

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tường Vy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Hồ Viết Ân;

+ Ông Phạm Văn Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị D, sinh năm: 1964; Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: bà Lê Thị Mai H, sinh năm: 1960; Địa chỉ: khu 5, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1963; Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

- Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1958; Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Phạm Thị D trình bày: bà D có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Khoản hụi thứ nhất: vào ngày 30/5/2020, bà tham gia chơi 10 chân hụi, số tiền đóng hụi mỗi chân hụi là 500.000 đồng, tháng thu hụi 2 lần vào ngày 15 và 30 dương lịch hàng tháng. Từ ngày 30/5/2020 đến 15/9/2020, số tiền thực tế bà đã đóng mỗi chân là 380.000 đồng/chân/mỗi lần thu hụi. Từ 30/9/2020 đến 30/6/2021 thì số tiền thực tế phải đóng cho mỗi chân hụi là 400.000 đồng/lần thu hụi. Trong 10 chân hụi bà đã đóng thì bà đã được hốt 5 chân, hiện còn 5 chân bà

chưa được hốt. Số tiền bà đã đóng cho 5 chân hội chưa hốt như sau: từ 30/5/2020 đến 15/9/2020 là: 380.000 đồng/chân x 5 chân x 8 lần thu hội = 15.200.000 đồng; từ 30/9/2020 đến 30/6/2021 là: 400.000 đồng/chân x 5 chân x 19 lần thu hội = 38.000.000 đồng. Tổng số tiền bà D đã đóng thực tế cho 5 chân hội chưa hốt là: 15.200.000 đồng + 38.000.000 đồng = 53.200.000 đồng.

- Khoản hội thứ hai: vào ngày 10/01/2021, bà tham gia 7 chân hội, số tiền đóng hội mỗi chân hội là 2.000.000 đồng, tháng thu hội 1 lần vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Từ ngày 10/02/2021 đến 10/4/2021, số tiền thực tế bà đã đóng cho mỗi chân hội là 1.400.000 đồng/lần thu hội, từ 10/5/2021 đến 10/6/2021 thì số tiền thực tế bà đã đóng cho mỗi chân hội tăng lên thành 1.500.000 đồng/lần thu hội. Như vậy từ 10/01/2021 đến 10/4/2021 số tiền thực tế bà đã đóng hội là: 1.400.000 đồng x 7 chân x 4 lần thu hội = 39.200.000 đồng; từ 10/5/2021 đến 30/6/2021 số tiền thực tế bà đã đóng hội là: 1.500.000 đồng x 7 chân x 2 lần thu hội = 21.000.000 đồng. Tổng số tiền bà đã đóng cho 7 chân hội tham gia ngày 10/01/2021 là: 39.200.000 đồng + 21.000.000 đồng = 60.200.000 đồng.

- Khoản hội thứ ba: vào ngày 10/3/2021, bà tham gia 30 chân hội, số tiền hội mỗi chân là 1.000.000 đồng, tháng thu hội 01 lần ngày 10 dương lịch hàng tháng. Số tiền thực tế bà đã đóng cho mỗi chân hội là 750.000 đồng/lần thu hội. Từ 10/3/2021 đến 1/6/2021, số tiền thực tế bà đã đóng cho 30 chân hội này là: 750.000 đồng x 30 chân x 4 lần thu hội = 90.000.000 đồng.

Tổng tất cả các khoản hội bà đã đóng cho bà H mà chưa được hốt hội là: 53.200.000 đồng + 60.200.000 đồng + 90.000.000 đồng = 203.400.000 đồng.

Vì bà đã hốt 5 chân hội của dây hội mở ngày 30/5/2020 nên bà phải đóng hội chết cho bà H là 7.500.000 đồng. Ngoài ra, ngày 07/11/2021, bà H có trả bớt cho bà số tiền 30.000.000 đồng.

Sau đó, bà và bà H có làm giấy chót nợ thể hiện số tiền hội bà H còn nợ bà là: 203.400.000 đồng – 7.500.000 đồng – 30.000.000 đồng = 165.900.000 đồng.

Để đảm bảo cho quyền lợi của mình, bà khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà H cùng chồng là ông Trần Văn Q phải có trách nhiệm trả lại cho bà và chồng là ông Nguyễn Văn C số tiền 165.900.000 đồng vì số tiền này là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà không yêu cầu tính lãi suất kể cả trong giai đoạn thi hành án.

\* Theo biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt, bị đơn là bà Lê Thị Mai H trình bày: bà và ông Trần Văn Q là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1979 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Từ năm 1996, bà bắt đầu tổ chức các dây hội cho mọi người tham gia. Trong quá trình tổ chức và hoạt động của các dây hội, chồng bà là ông Q có giúp đỡ bà trong việc đi thu hội và lợi ích từ việc tổ chức hội phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Trong những người tham gia chơi hội do bà tổ chức có bà D (thường gọi là D X). Quá trình chơi hội của bà D thì bà không nhớ rõ tuy nhiên giữa hai bên đã chót lại số tiền hội bà D đã đóng cho bà là 203.400.000 đồng và có viết giấy chót nợ hội. Sau đó bà có trả bớt cho bà D 30.000.000 đồng. Ngoài ra, bà D còn nợ bà số tiền hội chết chưa đóng là 7.500.000 đồng nên sau khi căn trừ thì bà còn nợ bà D số tiền hội là 165.900.000 đồng. Nay bà D yêu cầu bà trả số nợ trên thì bà đồng ý nhưng vì hiện bà không có điều kiện nên chưa trả được.

\* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C: ông là chồng của bà Phạm Thị D. Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà D về quá trình chơi hụi giữa bà D và bà H. Vì tiền bà D chơi hụi là tài sản chung của vợ chồng nên ông yêu cầu bà H, ông Q phải trả lại số tiền 165.900.000 đồng cho vợ chồng ông.

\* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q (tại đơn xin vắng mặt): đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật. Bà H tổ chức dây hụi là công việc thường xuyên, bản thân ông Q cũng biết và tiền lãi của việc tổ chức hụi bà H sử dụng chung cho gia đình. Tiền bà D chơi hụi là tài sản chung của vợ chồng bà D và ông C. Do đó, đề nghị áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Q và bà H liên đới trả số tiền nợ gốc 165.900.000 đồng cho bà D và ông C; Về án phí: theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Phạm Thị D có đơn khởi kiện đối với bà Lê Thị Mai H yêu cầu trả tiền nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản (hụi)” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong bà D là nguyên đơn, bà H là bị đơn và bà H có nơi đăng ký thường trú tại huyện Cẩm Mỹ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ.

Ông Nguyễn Văn C là chồng của bà Phạm Thị D, ông Trần Văn Q là chồng của bà Lê Thị Mai H mà khoản nợ có tranh chấp trong vụ án phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của các bên đương sự nên ông C, ông Q được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tất cả các đương sự trong vụ án đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: cả hai bên đương sự đều xác định bà D có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi. Mặc dù bà H không nhớ rõ quá trình chơi hụi của bà D nhưng hai bên thống nhất số tiền bà D đã đóng hụi cho bà H đối với những dây hụi mà bà D chưa hốt là 203.400.000 đồng. Vì bà D còn nợ bà H số tiền phải đóng hụi chết cho những dây hụi mà trước đó bà D đã hốt là 7.500.000 đồng và bà H đã trả cho bà D số tiền 30.000.000 đồng nên số tiền hụi bà H còn nợ bà D là 165.900.000 đồng. Số tiền mà hai bên thống nhất phù hợp với giấy chốt nợ được lưu tại hồ sơ vụ án. Vì bà H còn nợ tiền bà D nên yêu cầu khởi kiện của bà D là có cơ sở chấp nhận.

Vì bà D và ông C là vợ chồng, tiền chơi hụi là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu bà H và ông Q cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà D. Xét thấy bà H đã tổ chức các dây hụi trong một thời gian dài và bà H cũng thừa nhận ông Q biết và còn giúp đỡ bà thu hụi; lợi ích từ việc tổ chức các dây hụi bà sử dụng cho mục đích chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình. Do đó, căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà H và ông Q liên đới trả cho bà D và ông C số tiền 165.900.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: bà D, ông C không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền bà H, ông Q phải trả nên HĐXX không xem xét gì thêm về lãi suất.

Về tài liệu, chứng cứ: bà D có cung cấp quyển sổ theo dõi quá trình chơi hụi. Quyển sổ này là sổ theo dõi cá nhân, nội dung ghi nhận trong sổ phù hợp với lời khai của các đương sự, phù hợp với yêu cầu khởi kiện nên đây là chứng cứ theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Số tiền án phí bị đơn phải nộp là:  $165.900.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.295.000 \text{ đồng}$ . Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H và ông Q là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên HĐXX quyết định miễn án phí cho bà H và ông Q.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên: quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 228, 266 của BLTTDS; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật HN&GD 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị D.

- Buộc bà Lê Thị Mai H và ông Trần Văn Q phải liên đới trả cho bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn C số tiền 165.900.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng*).

Bà Lê Thị Mai H và ông Trần Văn Q không phải chịu lãi suất, kể cả trong giai đoạn thi hành án.

- Về án phí: Bà Lê Thị Mai H và ông Trần Văn Q được miễn nộp theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Tường Vy**